

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai dự toán ngân sách năm 2021
của Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định 3470/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Quyết định 2600/QĐ-UBND ngày 01/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài Chính;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai dự toán ngân sách năm 2021 của Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa theo phụ biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Kế toán chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:(VBĐT)

- Như trên;
- Ban Giám đốc (b/c);
- Các phòng nghiệp vụ (đ/b);
- Lưu: VT, KT.



GIÁM ĐỐC

Vĩnh Thông

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 265/QĐ-STC ngày 31/12/2020 của Sở Tài chính Khánh Hòa)

I. DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên		Số còn lại đơn vị được sử dụng
			Ngân sách giữ	Đơn vị giữ	
	TỔNG SỐ	9.142	122	175	8.845
1	Chi quản lý nhà nước	9.142	122	175	8.845
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.478		175	6.303
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 47/2016/NĐ-CP	4.725			4.725
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	1.753		175	1.578
2	Kinh phí thực hiện chế độ cải cách tiền lương	918			918
	- BS tiền lương theo NĐ 38/2019/NĐ-CP	918			918
3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.746	122		1.624
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	81			81
	- Chi tiền nhuận bút viết tin, bài lên Cổng thông tin điện tử của Sở	50			50
	- Khóa sổ và quyết toán ngân sách	200			200
	- Kinh phí công tác xác định giá đất và Hội đồng thẩm định giá đất	673	67		606
	- Trang phục thanh tra	32			32
	- Tiêu chí bổ sung	200	20		180
	- Kinh phí thu thập, báo cáo giá thị trường	15			15
	- Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	110			110
	- Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo 389	20			20

	- Kinh phí xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về giá; nhập, duyệt, chuẩn hóa dữ liệu trong phần mềm QL đăng ký tài sản nhà nước; nhập, duyệt, chuẩn hóa dữ liệu trong phần mềm QLTS là công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung và xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về giá	15			15
	- Kinh phí bảo trì Phần mềm QLNS Dự án đầu tư Pabmis	300	30		270
	- Kinh phí bồi dưỡng thanh tra chuyên ngành theo Quyết định 12/2014/QĐ-TTg ngày 27/1/2014	50	5		45

II. DỰ TOÁN CÁC KHOẢN THU PHÍ, LỆ PHÍ

STT	Nội dung	Tổng số	Để lại đơn vị	Nộp ngân sách nhà nước
	Tổng số	3.100	800	2.300
	- Thu hồi ngân sách qua công tác thanh tra, kiểm tra	3.000	800	2.200
	- Thu xử phạt vi phạm hành chính	100		100